

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2021/HS-PT

Ngày: 20 - 10 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Tấn Tài.

*Các Thẩm phán:* Ông Thái Văn Chấn.;

Ông Lê Thanh Hoàng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Bảo Hằng – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:**

Ông Nguyễn Thành Năng - Kiểm sát viên.

Bà Phạm Huỳnh Ngọc Thi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13/10/2021; ngày 20/10/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 122/2021/TLPT-HS ngày 28 tháng 7 năm 2021 đối với các bị cáo Lương Tổng T, Quách Trần Xuân L do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 52/2021/HS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang.

*Các bị cáo có kháng cáo:*

1. Lương Tổng T, sinh năm 1964 tại Campuchia; Nơi cư trú: Số 3/73, khóm H, phường Th, thành phố LX, tỉnh An Giang; Tạm trú: Số 118/6B, đường Rạch Tâm Bót, khóm ĐT, phường P, thành phố LX, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Luật sư, Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lương Tấn P (chết) và bà Nguyễn Thị A (chết); Bị cáo có vợ tên Quách Trần Xuân L, sinh năm 1969 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 1997; Tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/9/2020 cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

2. Quách Trần Xuân L, sinh năm 1969 tại huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; Nơi cư trú: Số 3/73, khóm H, phường Th, thành phố LX, tỉnh An Giang; Tạm trú: Số 118/6B, đường Rạch Tâm Bót, khóm ĐT, phường Th, thành phố LX, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Quách Thành L

(chết) và bà Trần Ngọc Th; Bị cáo có chồng tên Lương Tổng T, sinh năm 1964 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 1997; Tiền sự, tiền án: Không. Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/11/2020 cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa bị cáo Lương Tổng T:

1. Ông Hứa Hoàng Chấn – Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang (Ông Chấn có mặt tại các phiên tòa).

2. Ông Trần Ngọc Phước – Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang. (Ông Phước có mặt tại phiên tòa ngày 13/10, vắng mặt tại phiên tòa ngày 20/10).

3. Ông Đoàn Công Thiện – Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang. (Ông Tện có mặt tại phiên tòa ngày 13/10, vắng mặt tại phiên tòa ngày 20/10).

Người bào chữa cho bị cáo Quách Trần Xuân L: Bà Hồ Hoàng Phượng – Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang (Bà Phượng có mặt tại phiên tòa ngày 13/10 và vắng mặt tại phiên tòa ngày 20/10/2021).

(Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 04/9/2007, Lương Tổng T (Luật sư – Văn phòng Luật sư Tổng T thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang) ký hợp đồng dịch vụ pháp lý với vợ chồng ông Di Nam C, bà Nguyễn Thị Kim L để tư vấn cho ông C, bà KL (là nguyên đơn trong vụ án tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bị đơn là ông Ngô Tấn V và ông Đỗ Vinh T, bà Trịnh Hui L), thù lao hợp đồng là 20% trên giá trị mà ông C, bà KL nhận được. Đến ngày 25/8/2018, ông C, bà KL có đơn yêu cầu hủy hợp đồng nhưng T không đồng ý nên ông C gửi đơn khiếu nại đến Đoàn luật sư tỉnh An Giang. Ngày 29/8/2018, T soạn thảo văn bản thỏa thuận cho các ông, bà V, T, C, KL ký tại kho 139 của ông V ở đường Lê Văn Nhung, phường B (bà HL cũng có mặt nhưng không ký vào văn bản thỏa thuận) với nội dung ông V được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng khu đất lô số 12A3, đường Hùng Vương, khóm 6, phường Mỹ Long, thành phố LX và có nghĩa vụ trả 1.000.000.000 đồng cho ông Tiến và bà HL; trả 500.000.000 đồng cho ông C và bà KL. Sau khi các bên ký vào tờ thỏa thuận thì bà HL hứa cho ông C, bà KL thêm 200.000.000 đồng để sửa nhà và trả phí cho T. Tiếp đó, ông C, bà KL rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, ông Tiến rút toàn bộ yêu cầu phản tố nên Tòa án nhân dân thành phố LX ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự vào ngày 29/8/2018.

Khoảng 10 giờ 30 ngày 16/01/2020, ông V gọi điện thoại báo các ông, bà C, KL, Tiến, HL đến cửa hàng xe 139 của ông V tại khóm Đông Thịnh 2,

phường P, thành phố LX nhận tiền theo thỏa thuận. Trước khi đi, bà HL gọi điện thoại cho T biết việc này. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, ông C, bà KL đến cửa hàng 139 nhưng ông V chỉ trả cho ông C, bà KL 375.000.000 đồng (trừ 125.000.000 đồng ông C, bà KL mượn của ông V). Đến khoảng 11 giờ 20 phút cùng ngày, ông Tiến, bà HL đến cửa hàng 139 thì được ông V trả 1.000.000.000 đồng. Khoảng 10 phút sau, T điều khiển xe mô tô chở vợ là Quách Trần Xuân L đến. Lúc này, bà HL cầm 200.000.000 đồng và hỏi bà KL thanh toán tiền dịch vụ pháp lý với T như thế nào thì bà KL bảo đưa 200.000.000 đồng cho bà KL, còn phí luật sư để bà KL giải quyết với T nên bà HL đưa cho bà KL số tiền này. Ngay sau đó, T yêu cầu ông C, bà KL trả 100.000.000 đồng nhưng bà KL không đồng ý mà để cọc tiền vào túi nylon màu xanh ôm trước bụng và nói sẽ tính toán lại số tiền thù lao với T, vì hơn 10 năm mà T không giúp được gì cho ông C và bà KL. Lúc này, T đi lại gần bà KL dùng hai tay giật tiền trong túi nylon nhưng không được do bà KL và ông C nắm giữ lại. T tiếp tục giật túi nylon làm bà KL và ông C ngã xuống vỉa hè thì L đến giúp T giật tiền. T giật được 01 cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng, T khai cọc tiền này có 90 tờ với tổng số tiền là 45.000.000 đồng và làm rơi tiền còn lại trong túi nylon trên vỉa hè. Ngay lập tức L đến lấy 01 cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng, L khai cọc tiền này có 98 tờ với tổng số tiền là 49.000.000 đồng bỏ vào túi áo khoác. T đưa cọc tiền cho L giữ rồi điều khiển xe mô tô chở L về nhà. Đến khoảng 15 giờ 30 cùng ngày, ông C đến Công an phường P tố giác hành vi phạm tội của T và L.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 đĩa CD nhãn hiệu Verbatim màu đen xanh, loại dung lượng 700 MB, trong đĩa có lưu trữ 02 tập tin video “11.00.00\_M.avi” thời lượng 17 phút 33 giây, dung lượng 97MB và “11.30.00\_M.avi” thời lượng 16 phút 36 giây, dung lượng 95MB trích xuất từ camera tại cửa hàng xe 139 của ông Ngô Tấn V ngày 17/01/2020; Số tiền 94.000.000 đồng do Lương Tổng T giao nộp cho Công an phường P ngày 22/01/2020.

Kết luận giám định số 38/KLGT-PC09(KTSĐT) ngày 03/04/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang xác định: Dữ liệu 02 tập tin video lưu trữ trong đĩa 01 đĩa CD nhãn hiệu Verbatim màu đen xanh, loại dung lượng 700 MB, trong đĩa có lưu trữ 02 tập tin video “11.00.00\_M.avi” thời lượng 17 phút 33 giây, dung lượng 97MB và “11.30.00\_M.avi” thời lượng 16 phút 36 giây, dung lượng 95MB, được niêm phong bằng giấy trắng dán kín, bên ngoài có chữ ký chữ viết mang tên Ngô Tấn Vinh, Lê Trọng Công và dấu tròn màu đỏ của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố LX gửi giám định không tìm thấy dấu hiệu bị cắt ghép hay chỉnh sửa.

Tại Cáo trạng số: 06/CT-VKS ngày 03/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX truy tố các bị cáo Lương Tổng T, Quách Trần Xuân L về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2021/HS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Lương Tổng T, Quách Trần Xuân L phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Căn cứ vào: Điểm c khoản 2 Điều 171, điểm b khoản 1, khoản 2 (bị cáo L) Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 47, Điều 58, Điều 65 (bị cáo L) Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên xử:

Xử phạt: Bị cáo Lương Tổng T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Xử phạt: Bị cáo Quách Trần Xuân L 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án (07/6/2021).

Trong thời gian thử thách, giao bị cáo Quách Trần Xuân L cho Ủy ban nhân dân phường Th, thành phố LX, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục. Trường hợp trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về phần bồi thường trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 16 tháng 6 năm 2021 các bị cáo Lương Tổng T, Quách Trần Xuân L có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung kêu oan do các bị cáo không phạm tội.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Lúc đầu các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo kêu oan, nhưng sau đó đã thay đổi yêu cầu kháng cáo theo đơn ngày 19/10/2021, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét lại giá trị của từng bị cáo chiếm đoạt và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên thực hiện quyền công tố nhà nước tại phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án và đề xuất với Hội đồng xét xử:

- Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Các bị cáo Lương Tổng T, Quách Trần Xuân L kháng cáo trong hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận việc kháng cáo để xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

- Về nội dung: Án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất vụ án và xét xử các bị cáo Lương Tổng T, Quách Trần Xuân L về tội “Cướp giật tài sản” tuyên phạt bị cáo T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, bị cáo Quách Trần Xuân L 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 5 (năm) năm là đúng quy định của pháp luật, đúng với tính chất mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo

cũng như các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng. Giai đoạn phúc thẩm ban đầu các bị cáo kháng cáo kêu oan, nhưng sau đó đã thay đổi yêu cầu kháng cáo, các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo T trong quá trình công tác tại Viện kiểm sát tỉnh An Giang được Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tối cao tặng Kỷ niệm chương bảo vệ pháp chế, bản thân đang bị bệnh, đối với bị cáo L có cha, mẹ là ông Quách Thành L, bà Trần Ngọc Th được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương hạng 3 đây là những tình tiết giảm nhẹ mới phát sinh tại phiên tòa phúc thẩm. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lương Tổng T, Quách Trần Xuân L, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố LX về mức hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Lương Tổng T, Quách Trần Xuân L, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 52/2021/HS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố LX.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 171, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Lương Tổng T từ 02 (hai) năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 171, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 17, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Quách Trần Xuân L từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm về tội “Cướp giật tài sản”.

Các Luật sư bào chữa cho bị cáo Lương Tổng T trình bày quan điểm:

\* Luật sư Phước trình bày quan điểm bào chữa:

Nêu ra những vi phạm tố tụng của cơ quan điều tra như sau:

- Bị cáo T và bị cáo L có mặt tại cửa hàng lúc 11 giờ 30 phút, diễn biến sự việc đã chứng minh được rằng khi bị cáo đến thì đã ghi nội dung trong tờ giấy do vợ chồng ông Tiến đưa. Nội dung trong tờ giấy là gì và tờ giấy đang ở đâu thì giờ không ai biết. Cơ quan điều tra không thu thập biên nhận này để xác định rõ nội dung vụ án.

- Ngày 18/1/2020 ông C và bà KL đã báo cáo toàn bộ sự việc cho Công an phường P biết. Công an phường P đã tiếp nhận và lập biên bản. Đến ngày 18/2/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Thành phố LX đã ra thông báo về việc tiếp nhận tin báo về tội phạm. Căn cứ vào bộ luật tố tụng hình sự 2015 đã quy định tại khoản 1 Điều 147 về thời hạn giải quyết tin báo tố giác tội phạm.

Tuy nhiên, từ 18/2/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra thành phố LX không ra bất kì một quyết định nào là khởi tố hay không khởi tố vụ án hình sự. Cơ quan điều tra không ra quyết định khởi tố nhưng lại tiến hành ghi biên bản lấy lời khai bị cáo Lương Tổng T, Quách Trần Xuân L, ông V, ông Dũng, ông Tiến, bà HL, ông C, bà KL. Đến ngày 01/9/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Tp LX mới ra quyết định khởi tố.

- Căn cứ bản Kết luận điều tra, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát, Bản án sơ thẩm của TAND thành phố LX lại căn cứ vào lời khai của bà HL (Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) tại cơ quan cảnh sát điều tra vào ngày 20/8/2020, cho rằng: “bà là người đồng ý chuyển giao 200.000.000 đồng cho bà KL” là căn cứ chuyển giao quyền sở hữu tài sản, làm căn cứ buộc tội bị cáo Lương Tổng T là chưa phù hợp. Lý do là từ ngày tiếp nhận tin báo tội phạm, Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu thập tài liệu chứng cứ, đã trích xuất camera nhà xe ông V, đã gửi đi tiến hành giám định, tiến hành khám nghiệm hiện trường theo quy định pháp luật nhưng không khởi tố vụ án. Không thực hiện điều tra theo trình tự pháp luật quy định mà lấy đó làm nguồn chứng cứ chúng tôi cho rằng là chưa phù hợp. Trong đó, lời trình bày của bà HL có sự mâu thuẫn trong quá trình lấy khai, bà HL cho rằng biên bản đã ghi không đủ và không chính xác sự việc.

- Đối với việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can ngày 01/9/2020 thì tất cả quá trình hoạt động từ ngày này đối với vụ án được xem như một nguồn chứng cứ. Trong trường hợp các tài liệu chứng cứ khác được thu thập, xem xét, lấy lời khai từ trước ngày 01/9/2020 của bà HL, của người làm chứng ông D mà có mâu thuẫn thì Cơ quan điều tra phải đối chất làm rõ. Nhưng cơ quan điều tra không thực hiện đối chất.

Trong quá trình điều tra đã có nhiều sai phạm và Thiếu sót, đánh giá chưa chính xác về vai trò, tính chất, mức độ hành vi của bị cáo T. Do đó yêu cầu HĐXX xem xét lại để đánh giá toàn diện sự việc.

\* Luật sư Thiện trình bày quan điểm bào chữa:

1. Làm rõ 94.000.000 đồng trong 200.000.000 đồng này xuất phát từ 2 quan hệ pháp luật.

- Quan hệ thứ nhất là từ hợp đồng dịch vụ pháp lý mà phía bị cáo cung cấp cho phía bị hại bao gồm tư vấn pháp luật và đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng. Cho đến giờ phút này hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa bị cáo và bị hại vẫn còn hiệu lực. Phía bị cáo đã thực hiện xong, sau khi có quyết định đình chỉ vụ án, phần việc sau này không còn nằm trong hợp đồng và không nằm trong giá trị 20% mà các bên đã ký kết. Hợp đồng vẫn chưa bị toà án huỷ hoặc các đương sự vẫn chưa có thoả thuận chấm dứt hợp đồng. Theo Điều 521 Bộ luật dân sự 2015 quy định về tiếp tục hợp đồng dịch vụ, “*Sau khi kết thúc thời hạn thực hiện công việc theo hợp đồng dịch vụ mà công việc chưa hoàn thành và bên cung ứng dịch vụ vẫn tiếp tục thực hiện công việc, bên sử dụng dịch vụ biết nhưng không phản đối thì hợp đồng dịch vụ đương nhiên được tiếp tục thực hiện theo nội dung đã thoả thuận cho đến khi công việc được hoàn thành.*” như vậy giá trị

20% là tài sản hình thành trong tương lai của phía bị cáo. Đó là tài sản sẽ có được trong tương lai. Phía bị cáo đã thực hiện đầy đủ, toàn diện, mang lại kết quả về dịch vụ mình cung cấp.

- Quan hệ thứ hai là hợp đồng tặng cho tài sản. Hợp đồng này được thể hiện bởi lời hứa của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan của bà Trịnh Hui L. Đây là hợp đồng tặng cho tài sản có điều kiện. Giá trị hợp đồng này bên tặng cho hứa cho bên bị hại 200.000.000 đồng để 100.000.000 đồng cho bị hại làm nhà và 100.000.000 đồng bị hại trả cho anh T. Điều kiện thứ nhất thể hiện sự ràng buộc rằng phía bị hại phải trả lại cho anh T 100.000.000 đồng. Như vậy sau khi các bên có mặt, xác định được phía bị hại có ý định không muốn trả 100.000.000 đồng này, bà HL đã thay đổi ý định không tặng cho 200.000.000 đồng nữa mà dứt hẳn, 100.000.000 đồng cho bà KL, 100.000.000 đồng cho bị cáo. Hợp đồng tặng cho bị cáo 100.000.000 đồng cũng là 1 hợp đồng có điều kiện đó là yêu cầu bị cáo không được đòi thêm 100.000.000 đồng từ chỗ bị hại nữa. Đây là một hành động rất nhân văn và đầy tình người. Khi lần cuối cùng bà HL yêu cầu ai nhận tiền thì ký vào, ý chí bà HL lúc này đã thay đổi nội dung là cho mỗi bên 100.000.000 đồng. Hợp đồng tặng cho này đã được thay đổi tại thời điểm cuối cùng, thể hiện ở bằng chứng bà HL đã trình bày tại phiên toà hôm nay và ở phiên toà sơ thẩm là nếu ông T không đến thì không đưa tiền cho bà KL, và cũng đã chia tách 200.000.000 đồng ra rõ ràng. Sự chuyển dịch tài sản từ bà HL qua bà KL là cưỡng bức, không tự nguyện. Trong biên bản bút ký ở cấp sơ thẩm, về mặt ý chí chưa chuyển sang cho bà KL. Cho đến thời điểm bà KL giật khoản tiền 200.000.000 đồng từ tay bà HL và ngay sau đó ông T giành lại số tiền 45.000.000 đồng là chưa chuyển nhượng sang cho phía bị hại. Điều 458 Bộ luật dân sự quy định về hiệu lực của tặng cho tài sản, *“Hợp đồng tặng cho tài sản có hiệu lực khi bên được tặng cho tài sản nhận được tài sản, trừ trường hợp có thoả thuận khác”*. Trong trường hợp này, bên tặng cho tài sản chưa chuyển giao tài sản cho người được tặng cho, người được tặng cho tự ý giật lấy. Nói cách khác, người được tặng cho nhận được tài sản không hợp pháp nên hợp đồng tặng cho chưa có hiệu lực pháp luật.

2. Chủ thể có quyền sở hữu của tài sản này cấp sơ thẩm đã xác định sai. Bà HL đã xác định ý thức chủ quan của mình là cho mỗi bên 200.000.000 đồng. Yêu cầu HĐXX làm rõ chủ sở hữu tài sản này. Nếu bị cáo có giật lại thì tiền này cũng thuộc sở hữu của bà HL chứ không phải bà KL. Bà HL đã xác định mình hoàn thành hợp đồng tặng cho bởi lẽ bà HL nghĩ rằng bị cáo T đã lấy được 100.000.000 đồng theo ý bà như ban đầu, cho nên bà HL chấp nhận coi như đã hoàn thành hợp đồng tặng cho. Chúng tôi cho rằng đây là 1 vụ tranh chấp về quyền sở hữu hay là tranh chấp hợp đồng tặng cho tài sản, hành vi này không cấu thành tội phạm, không thuộc dấu hiệu phạm tội tội cướp giật tài sản. Trong hồ sơ có những vấn đề không bình thường, trong lời khai có nhiều điều bất nhất, trong đó có ghi lời khai là “trao cho bên bị hại” nhưng trong video bà HL không trao mà là bà KL giật lấy. Vấn đề này chúng tôi đề nghị HĐXX xem xét việc thẩm tra chứng cứ, tranh tụng tại phiên toà, xác định bị cáo có tội hay không có tội, không thể căn cứ vào lời khai tại Cơ quan điều tra. Trong Bộ luật tố tụng

hình sự đã quy định “ *Không được dùng lời nhận tội của bị can, bị cáo làm chứng cứ duy nhất để buộc tội, kết tội*” theo khoản 2 Điều 98 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015. Những lời khai của bị cáo T mà Viện kiểm sát sử dụng để buộc tội bị cáo không mang giá trị chứng minh. Chúng tôi cho rằng cần xem xét chứng cứ tại phiên toà, đối chiếu lại chứng cứ và tranh tụng tại phiên toà mới có thể làm sáng tỏ vụ án.

3. Chúng tôi muốn làm rõ nội hàm tội cướp giật. Khái niệm tội cướp giật được hiểu như sau: người thực hiện tội phạm lợi dụng sơ hở của người có tài sản, giật lấy rồi nhanh chóng tẩu thoát nhằm chiếm đoạt tài sản làm của riêng. Đặc trưng của tội danh này bao gồm các dấu hiệu: Dấu hiệu 1 về mặt khách thể của tội phạm: tài sản bị cướp giật phải là tài sản chiếm hữu hợp pháp của bị hại hoặc không tạo ra bất kỳ mối quan hệ ràng buộc nào giữa người thực hiện tội phạm và người bị hại. Tài sản bị chiếm đoạt phải là tài sản của người quản lý tài sản, không có tranh chấp. Điều này đặt ra khả năng anh T có thể được số tài sản đó qua 2 hợp đồng, chứng tỏ anh T và bị hại có mối quan hệ với việc phát sinh tài sản này, về mặt khách thể không phù hợp. Dấu hiệu 2 Về mặt khách quan của tội phạm, hành vi cướp giật rồi nhanh chóng tẩu thoát để trốn tránh việc truy bắt và tìm ra danh tính. Mối quan hệ giữa tội phạm và người bị hại là người không quen biết, nhưng trong trường hợp này, bị cáo T và bị hại đã biết rõ về nhau, bị cáo cũng không nhanh chóng tẩu thoát. Vấn đề đặt ra là tài sản đó của ai, khách thể thì đã rõ, tài sản lúc này vẫn là của bà HL nên chúng tôi cho rằng cấp sơ thẩm xác định chủ sở hữu là bà KL là sai. Vì lẽ đó, mong HĐXX xem xét lại, hành vi của bị cáo không cấu thành tội phạm, đề nghị Viện kiểm sát rút lại quyết định truy tố của mình và HĐXX tuyên bố bị cáo không phạm tội.

\* Luật sư Chân trình bày quan điểm bào chữa:

- Trong vụ án này, điều đầu tiên bị cáo T đã có những hành xử không văn minh. Một phần do bị cáo T bị sốc không chịu được khi mười mấy năm theo đuổi 1 vụ việc khó khăn mà bị bội tín, phủ nhận toàn bộ công sức. Bị cáo đã làm hết sức mình để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Kim Loan nhưng bị phủ nhận. Sự tận tâm này có chị Hui Loan chứng kiến. Cái vi phạm của bị cáo T là vi phạm về mặt đạo đức, cách hành xử không hay. Ngoài ra, tôi xin nói đến một số vấn đề sai sót về tố tụng trong vụ việc này. Ngoài các vấn đề Luật sư Phước đã trình bày, tôi bổ sung thêm 2 vấn đề, đó là bị cáo từ lúc xảy ra vụ việc đến lúc khởi tố, bị cáo T không được xem chứng cứ gốc, đến phiên toà mới được xem video này và nhớ lại sự việc đó xảy ra như thế nào, rồi bị phân tích lời khai và video có sự không đồng nhất, chúng tôi thấy như vậy là không công bằng. Bởi vì không được tiếp cận chứng cứ từ trước, nên việc bị cáo không nhớ một vài chi tiết là điều dễ hiểu, nhưng HĐXX lại dựa vào đó để kết tội bị cáo là chưa áp dụng điều luật về suy đoán vô tội. Việc thu thập tài liệu, chứng cứ không đầy đủ và bị cáo tại ngoại, có thể tiếp cận chứng cứ mà không được tiếp cận nên rất Tật thời. Bị cáo không biết về việc có video quay lại toàn bộ diễn biến sự việc để làm đơn yêu cầu sao chép.



- Về mặt pháp lý, luật sư Thiện đã thay mặt các luật sư trình bày, chúng tôi nhận thấy trong quá trình đánh giá chứng cứ, cấp sơ thẩm đã đánh giá chưa hoàn Tận, chưa đầy đủ, khách quan. Thứ nhất, tiền 200.000.000 đồng đó thuộc quyền sở hữu của ai? Chị HL nhận số tiền 1.000.000.000 đồng từ anh Vinh để bồi hoàn cho sự thiệt thòi của chị, chị HL tự nguyện nhấc ra 200.000.000 đồng để tặng cho chị KL và bị cáo T. Tại thời điểm xô xát, số tiền này chưa chuyển dịch chủ sở hữu. Khi chị HL trình bày có ý định chia số tiền này ra nhưng chị KL đã có lời nói để chị tự giải quyết với ông T. Sau khi giật lấy tiền chị KL lại có thái độ, lời nói khác với ý chí không muốn trả tiền cho bị cáo nhưng ở cấp sơ thẩm chỉ chăm chăm vào việc phân tích tội danh của bị cáo mà phớt lờ những điều này. Chị KL nói chị HL trao tiền cho chị nhưng trên video đã thấy rõ, chị KL đã giật lấy số tiền chứ không được trao.

- Qua đó có thể thấy việc đánh giá chứng cứ chưa thực sự khách quan, video trích xuất camera đã thể hiện chuỗi hành vi bao gồm các bên vào ngồi yên vị trên ghế, làm các thủ tục trước khi chia tiền, cùng ngồi vào ghế, cùng thảo luận, cùng ghi biên nhận. Khi Cơ quan điều tra không thu thập được biên nhận tại sao không cho đối chất giữa các bên, làm rõ những điều không thống nhất trong lời khai? Chúng tôi cho rằng việc đánh giá chứng cứ chưa đến nơi đến chốn. Về khía cạnh pháp lý, khách thể và mặt khách quan được xem xét chưa toàn diện, mang lại sự bất lợi cho bị cáo. Thêm một điều nữa, việc xác định giá trị tài sản chiếm đoạt trong vụ việc này đã đúng chưa? Bị cáo T chỉ giật lấy 1 cọc tiền trị giá 45.000.000 đồng, tại sao lại cộng dồn với số tiền bị cáo L nhất được rồi định tội ở khoản 2? Chúng tôi cho rằng bị cáo L không phải là đồng phạm, 2 vợ chồng không thống nhất ý chí từ trước, tại sao không cá thể hoá giá trị tài sản đã nhất được mà lại cộng dồn để thành định khung tăng nặng? Đề nghị Hội đồng xét xử huỷ án bản án sơ thẩm, trả hồ sơ điều tra bổ sung.

Tuy nhiên trong lời nói sau cùng, các bị cáo đã xin thay đổi yêu cầu kháng cáo, không kêu oan, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, kháng cáo xin Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Nên đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét khi lượng hình.

\* Luật sư Phụng trình bày lời bào chữa cho bị cáo L:

- Bị cáo L không phải đồng phạm ủng hộ bị cáo T trong vụ án này. Đồng tình với quan điểm của ba vị luật sư bào chữa cho bị cáo T. Nếu bị cáo T không phạm tội cướp giật tài sản thì bị cáo L cũng không phải là đồng phạm. Việc bị cáo L nhất số tiền rơi trên nền xi măng do hoàn toàn nghĩ rằng đó là số tiền chồng bị cáo sẽ nhận được. Công sức các bị cáo bỏ ra để theo vụ kiện của bà KL là rất nhiều, đến số tiền tạm ứng án phí từ hơn 10 năm trước đối với vụ kiện của bà KL cũng là trích từ tiền dành giùm của bị cáo. Qua 1 thời gian dài như thế, bà HL đã nhìn thấy công sức bị cáo T, nên đã có ý tốt chỉ trả cho bị cáo T 100.000.000 đồng tiền thù lao dịch vụ mà không để bà KL phải trả. Bị cáo L cũng không thể hiện sự thống nhất ý chí với bị cáo T khi thực hiện hành vi. Khi thấy bị cáo T giật được 1 cọc tiền, với kinh nghiệm của bản thân, bị cáo xác định được số tiền đó không đủ 100.000.000 đồng nên mới nhất thêm 1 cọc tiền bị rơi

ra trên vỉa hè. Hai bị cáo không hề có sự thống nhất ý chí từ trước. Bà HL đã cắt đôi số tiền đó ra, để chia cho mỗi bên 1 nửa chứ không định đem cả 200.000.000 đồng cho bà KL. Trước đây lời khai ông Dũng không thống nhất, nên không thể xem đó là nguồn chứng cứ. Kính mong HĐXX xem xét, chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo L gửi với nội dung kêu oan.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các bị cáo Lương Tổng T, Quách Trần Xuân L kháng cáo trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo để giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tại đơn kháng cáo ngày 16 tháng 6 năm 2021 các bị cáo Lương Tổng T, Quách Trần Xuân L kháng cáo kêu oan cho rằng mình không phạm tội, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo T, bị cáo L đã thay đổi yêu cầu kháng cáo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cũng như xem lại giá trị tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt (theo đơn xin khoan hồng ngày 19 tháng 10 năm 2021), căn cứ vào khoản 1 Điều 342 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận việc thay đổi yêu cầu kháng cáo này của các bị cáo.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ban đầu các bị cáo Lương Tổng T, Quách Trần Xuân L không thừa nhận hành vi phạm tội như kết quả điều tra và bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố LX đã tuyên, nhưng sau đó các bị cáo đã thành khẩn thừa nhận hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Lương Tổng T, Quách Trần Xuân L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Quyền sở hữu của số tiền mà các bị cáo chiếm đoạt:

Tại các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm các bị cáo Lương Tổng T, Quách Trần Xuân L thừa nhận đã thực hiện hành vi như video trích từ camera (Đã có Kết luận giám định số 38/KLGT-PC09(KTSĐT) ngày 03/04/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang xác định: Dữ liệu 02 tập tin video lưu trữ trong đĩa 01 đĩa CD nhãn hiệu Verbatim màu đen xanh, loại dung lượng 700 MB, trong đĩa có lưu trữ 02 tập tin video “11.00.00\_M.avi” thời lượng 17 phút 33 giây, dung lượng 97MB và “11.30.00\_M.avi” thời lượng 16 phút 36 giây, dung lượng 95MB, được niêm phong bằng giấy trắng dán kín, bên ngoài có chữ ký chữ viết mang tên Ngô Tấn Vinh, Lê Trọng Công và dấu tròn màu đỏ của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố LX gửi giám định không tìm thấy dấu hiệu bị cắt ghép hay chỉnh sửa) được Hội đồng xét xử công bố, tuy nhiên bị cáo T, bị cáo L đều cho rằng số tiền 94.000.000 đồng chiếm đoạt là số tiền của các bị cáo được hưởng từ hợp đồng dịch vụ pháp lý ngày 04/9/2007, mà bị cáo T đã ký kết với vợ chồng ông Di Nam C, bà Nguyễn Thị Kim L, nội dung đề tư vấn

cho ông C, bà KL (là nguyên đơn trong vụ án tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bị đơn là ông Ngô Tấn V và ông Đỗ Vinh T, bà Trịnh Hui L), thù lao hợp đồng là 20% trên giá trị mà ông C, bà KL nhận được. Đồng thời chính bà HL là chủ sở hữu số tiền này cũng đã xác định cho bị cáo T 100.000.000 đồng trong số tiền 200.000.000 đồng cho vợ chồng ông C, bà KL. Vì muốn bảo vệ quyền lợi của mình nên các bị cáo đã có hành vi giật lấy từ vợ, chồng ông C, bà KL, hành vi của các bị cáo tuy có sai trái, vi phạm pháp luật, nhưng xét về tính nhân quả của hành vi là chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Sau khi kết thúc phần tranh luận, trong lời nói sau cùng, các bị cáo lại thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như kết quả điều tra và bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố LX. Nay các bị cáo ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được thay đổi yêu cầu kháng cáo, không kháng cáo kêu oan, chỉ kháng cáo được giảm nhẹ hình phạt, thừa nhận sai phạm của mình do nhất thời, nông nổi, xuất phát từ việc bị hại có ý định lật lọng, có ý định quyt tiền thù lao của các bị cáo, trước những lời thách thức của bị hại, không kìm nén được cảm xúc tức giận, bị cáo T đã có hành động bộc phát nhất thời có ý giành lại số tiền mà lẽ ra mình được hưởng từ tay các bị hại. Lời thừa nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ đó khẳng định, việc bà HL hứa cho vợ chồng ông C, bà KL số tiền 200.000.000 đồng là có thật và thực hiện việc giao nhận tặng cho này được diễn ra vào lúc 11 giờ ngày 16/01/2021 tại kho 139 của ông V ở đường Lê Văn Nhung, phường Mỹ Bình, thành phố LX. Việc giao nhận cũng như chuyển giao số tiền giữa ông C, bà KL với bà HL đã được kết thúc khi các bên ký tên vào biên nhận tiền. Khi xảy ra việc cự cãi với các bên (vợ, chồng Chiêu, Loan với bị cáo T), chính tay ông Tiến chồng bà HL đã lấy biên nhận bỏ vào túi (thể hiện tại đoạn trích xuất camera) nhằm đảm bảo chứng cứ việc giao tiền cho vợ, chồng Chiêu, Kim Loan đã xong, tại biên bản phiên tòa sơ thẩm (bút lục số 351), chính bà HL đã khai nhận việc tặng cho vợ, chồng ông C, bà KL số tiền 200.000.000đ đã hoàn thành. Như vậy số tiền này đã được vợ, chồng ông C, bà Loan chiếm hữu hợp pháp. Mặc khác, chính bà HL cũng thừa nhận bà đồng ý hứa cho vợ, chồng bà KL 200.000.000 đồng, trong đó 100.000.000 đồng để sửa chữa nhà, 100.000.000 đồng để vợ, chồng Chiêu, Kim Loan trả nợ tiền dịch vụ pháp lý cho bị cáo T. Điều này đã xác định đây là hợp đồng tặng cho có điều kiện được quy định tại Điều 462 của Bộ luật dân sự. Như vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 462 Bộ luật dân sự, nếu ông C, bà Loan không thực hiện đúng như điều kiện thì bà KL có quyền đòi lại, từ đó sẽ làm phát sinh một vụ kiện dân sự, trách nhiệm vợ, chồng bà KL phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền 200.000.000 đồng đã nhận ban đầu. Mặc khác sau khi chiếm đoạt số tiền 94.000.000 đồng từ tay vợ, chồng ông C, bà Loan ý thức của các bị cáo cũng xác định đây là số tiền của vợ, chồng ông C, bà KL sở hữu, điều này đã được bị cáo T khai nhận tại Cơ quan điều tra, bị cáo có mặt tại đây là để làm chứng cho việc thực hiện thỏa thuận của các bên như văn bản thỏa thuận trước đây bị cáo đã làm cho họ (Bút lục số 17) và sau khi chiếm đoạt được số tiền 94.000.000 đồng, bị cáo T đã làm đơn khởi kiện

ngày 20/01/2020 (Bút lục số 08) gửi đến Tòa án nhân dân thành phố LX, trong đơn khởi kiện, bị cáo T khẳng định bà KL hưởng lợi trong vụ tranh chấp đất là 700.000.000 đồng ( Nhận tiền từ ông V 500.000.000 đồng; nhận từ ông Tiến số tiền 200.000.000 đồng). Bị cáo yêu cầu vợ, chồng bà KL phải trả thù lao 20% theo hợp đồng dịch vụ là 140.000.000 đồng và đồng thời yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số tiền 94.000.000 đồng đã chủ động tạm giữ để nhằm đảm bảo khoản thanh toán tiền thù lao trong hợp đồng mà Kim loan, Chiêu đã ký với bị cáo trước đây. Hơn ai hết, bị cáo trước đây từng là Kiểm sát viên, Luật sư nếu bị cáo cho rằng quyền sở hữu số tiền khi xảy ra sự việc vẫn còn là của bà HL, vì bà HL chưa chuyển giao cho ai, nhưng bị cáo lại yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố LX áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số tiền 94.000.000 đồng để nhằm đảm bảo khoản thanh toán tiền thù lao trong hợp đồng mà Kim loan, Chiêu đã ký với bị cáo trước đây là một điều hoàn toàn bất hợp lý. Bên cạnh đó bà HL cũng khai nhận, do thấy bị cáo T có công đeo đuổi vụ án cho vợ, chồng ông C, bà KL, thấy tội nghiệp cho bị cáo, cũng như sợ vợ, chồng ông C, bà KL sau khi nhận đủ số tiền bà cho, sẽ không thanh toán tiền dịch vụ pháp lý cho bị cáo T, nên chính bà HL đã điện thoại nhiều lần cho bị cáo T đến để chứng kiến việc giao tiền từ bà sang cho vợ, chồng ông C, bà KL, cũng như nhận lại số tiền thù lao từ hợp đồng dịch vụ mà ông C, bà KL đã ký kết với bị cáo T. Việc thỏa thuận này chỉ diễn ra giữa bà HL với bị cáo T mà không có sự chứng kiến của vợ, chồng ông C, bà KL, cũng như không ai biết. Tuy tại các phiên tòa, bà HL cố tình khai báo không đúng theo như trong quá trình điều tra, có nhiều mâu thuẫn nhằm bảo vệ cho bị cáo T, nhưng khi sự việc xảy ra, bà HL, ông Tiến không có một phản kháng nào đối với số tiền này, ông, bà bỏ ra về, mặc nhiên để cho hậu quả xảy ra, và sau đó từ ngày xảy ra vụ án đến khi xét xử phúc thẩm, ông, bà cũng không có yêu cầu, hay khiếu nại số tiền này đến bất cứ một cơ quan có thẩm quyền nào, ngay cả bản án sơ thẩm đã tuyên về phân trách nhiệm dân sự Trả lại cho bị hại Di Nam C, bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 94.000.000 đồng (chín mươi bốn triệu đồng) do Cơ quan điều tra - Công an thành phố LX gửi vào tài khoản tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh An Giang theo giấy nộp tiền mặt ngày 23/9/2020, ông, bà cũng không kháng cáo. Điều này cũng đã chứng minh ông Tiến, bà HL không còn quyền sở hữu đối với số tiền 200.000.000 đồng mà ông bà đã hứa tặng cho ông C, bà KL và được thực hiện xong vào ngày 16/01/2020, như vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 161 Bộ luật dân sự “*Thời điểm tài sản được chuyển giao là thời điểm bên có quyền hoặc người đại diện hợp pháp của họ chiếm hữu tài sản*”, nên việc xác định số tiền 200.000.000 đồng này đã thuộc quyền sở hữu của ông C, bà KL là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên có đủ cơ sở để kết luận số tiền 94.000.000 đồng mà bị cáo T, bị cáo L chiếm đoạt ngày 16/01/2020 (trong tổng số số tiền 200.000.000 đồng bà KL nhận từ bà HL) là của ông C, bà KL. Bị cáo T, bị cáo L đã có hành vi dùng sức mạnh để chiếm đoạt thì phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi này.

Đối với vai trò đồng phạm, tuy bị cáo L cho rằng mình không có vai trò đồng phạm, không phạm tội, giữa bị cáo L và bị cáo T không bàn bạc với nhau trước. Bị cáo chỉ thừa nhận khi thấy bị cáo T giật 01 cọc tiền trên tay của bà KL, bị cáo L nghĩ chưa đủ số tiền 100.000.000 đồng được bà HL hứa cho bị cáo T nên bị cáo L có đến nhặt thêm 01 cọc gồm 98 tờ mệnh giá 500.000 đồng đem cất vào túi áo khoác. Nhưng qua đoạn camera trích xuất tại phiên tòa, được bị cáo L thừa nhận những hành vi của mình trong đoạn camera này là đúng, thì trong đoạn camera đã thể hiện sau khi thấy bị cáo T chồm đi qua phía ông C, bà KL giật lấy số tiền, bị cáo tức tốc chạy lại và cùng tham gia với bị cáo T giật lấy một cọc tiền, không phải là việc bị cáo lùm cọc tiền như đã khai nại. Điều này thể hiện bị cáo L điều khiển được hành vi của mình và thấy được hành vi của đồng phạm khác là nguy hiểm nhưng vẫn cố ý thực hiện. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội song song nhau, có sự liên kết chặt chẽ, liên tục, nhanh chóng để cùng thực hiện một tội phạm. Trong vụ án này, do các bị cáo không có bàn bạc, tổ chức, sắp xếp với nhau từ trước, nên được xem là tội phạm giản đơn. Do đó, tùy theo tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo để xử lý. Đối với bị cáo T là người chủ động trực tiếp thực hiện việc chiếm đoạt tài sản của bị hại một cách quyết liệt nên phải chịu trách nhiệm với vai trò chính. Bị cáo L cùng tham gia chiếm đoạt tài sản với bị cáo T nhưng tính quyết liệt ít hơn. Vì vậy, khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét cho bị cáo một mức án thấp hơn so với bị cáo T

### [3.2] Giá trị tài sản chiếm đoạt:

Tại phiên tòa bị cáo T cho rằng do không có bàn bạc cụ thể với bị cáo L từ trước, chỉ kêu bị cáo L cùng đi để nhận tiền, nhưng khi đến nơi xảy ra sự việc, bị cáo chỉ giật được cọc tiền 45.000.000 đồng, nếu có bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì chỉ phạm tội ở giá trị số tiền 45.000.000 đồng, không thể quy kết chung với số tiền mà bị cáo L nhặt được.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tại thời điểm xảy ra sự việc, chính bản thân bị cáo cũng không xác định được số tiền bị cáo đã chiếm đoạt được bao nhiêu, khi về nhà kiểm đếm cùng với số tiền bị cáo L chiếm đoạt mới biết tổng số là 94.000.000 đồng (bút lục số 20). Về mặt ý thức của bị cáo khi đến nơi nhận tiền dịch vụ pháp lý là phải nhận đủ số tiền 100.000.000 đồng, điều này được thể hiện rõ trong lời khai của bị cáo L, khi thấy bị cáo T giựt được một cọc tiền, nhưng nghĩ chưa đủ số 100.000.000 đồng nên bị cáo L nhặt tiếp 1 cọc tiền nữa cho đủ số. Tại đoạn camera trích xuất cũng đã thể hiện, sau khi chiếm đoạt được tiền, bị cáo T liền đưa cho bị cáo L cất giữ cùng với số tiền của bị cáo L chiếm đoạt được nên các bị cáo phải chịu hậu quả chung đối với số tiền chiếm đoạt của bị hại, không thể cá thể hóa vai trò của từng bị cáo như lời khai nại của bị cáo T.

Các bị cáo đang ở độ tuổi trung niên, khỏe mạnh, nhận thức và điều khiển được hành vi của bản thân. Lẽ ra, khi biết bị hại không có ý định trả tiền thù lao tại hợp đồng dịch vụ pháp lý thì các bị cáo tìm cách xử lý theo quy định pháp luật, bởi vì chính bản thân bị cáo T từng là Kiểm sát viên, là Luật sư, tham gia tố tụng tại Tòa án với tư cách là người thực hành quyền công tố bảo vệ công

lý, người bào chữa, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho thân chủ mình, còn bị cáo L từng là người đại diện theo ủy quyền để bảo vệ quyền lợi cho đương sự và tại Điều 5 Hợp đồng dịch vụ ngày 04/9/2007 (Bút lục số 13) giữa các bên có quy định: “*Nếu có xảy ra tranh chấp thì hai bên cùng bàn bạc giải quyết, nếu không tự thỏa thuận được thì tranh chấp sẽ được giải quyết bằng cơ quan Tòa án*”. Tuy nhiên các bị cáo lại lựa chọn cách giải quyết mâu thuẫn bằng việc dùng sức mạnh để công khai, nhanh chóng, bất ngờ chiếm đoạt tài sản, làm cho bị hại lâm vào tình trạng không thể chống cự được và không thể nhận thức được sự việc đang xảy ra. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền tài sản được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự tại địa phương, ảnh hưởng xấu đến đời sống bình thường của xã hội. Các bị cáo biết rõ hành vi trên là vi phạm pháp luật nhưng cố ý thực hiện, điều này thể hiện sự liều lĩnh và xem thường pháp luật.

Từ những nhận định trên, cấp sơ thẩm đã tuyên bố các bị cáo T, L phạm tội “Cướp giật tài sản” là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật, đồng thời cũng đánh giá đúng tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo, khi quyết định hình phạt đã xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù và bị cáo L 03 (ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, nhận thức được việc làm sai trái của mình, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải, ngày 19/10/2021 bị cáo T, bị cáo L có làm đơn gửi Hội đồng xét xử xin thay đổi yêu cầu kháng cáo, không kêu oan và kính xin Hội đồng xét xử xem xét khoan hồng giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Do các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đối với bị cáo T trong quá trình công tác tại Viện kiểm sát tỉnh An Giang được Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tối cao tặng Kỷ niệm chương bảo vệ pháp chế, bản thân đang bị bệnh, đối với bị cáo L có cha, mẹ là ông Quách Thành L, bà Trần Ngọc Th được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương hạng 3. Các bị cáo có những tình tiết giảm nhẹ mới phát sinh tại phiên tòa phúc thẩm nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, sửa án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang là có căn cứ.

Các Luật sư bào chữa cho bị cáo T, bị cáo L cho rằng các bị cáo không phạm tội là không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[5] Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo T, L không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Lương Tổng T, Quách Trần Xuân L, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 52/2021/HS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố LX.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 171, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Lương Tổng T 02 (hai) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 171, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 17, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Quách Trần Xuân L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (07/6/2021) về tội “Cướp giật tài sản”.

Trong thời gian thử thách, giao bị cáo Quách Trần Xuân L cho Ủy ban nhân dân phường Th, thành phố LX, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục. Trường hợp trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2021/HS-ST ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao (1);
- VKSND tỉnh An Giang (2);
- TAND thành phố LX (2);
- Công an thành phố LX (1);
- Cục THADS tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP. LX (1);
- Trại tạm giam (1);
- Bị cáo (1);
- Bị hại (1);
- Phòng KTNV và THA (1);
- PV 06 (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Văn phòng (2);
- Lưu Tòa, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Tấn Tài**





